

Bản án số: 1557/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2334/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồng T; cư trú tại: Số E, đường L, phường P, Quận C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn B; cư trú tại: Số A đường B, Phường H, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là ông Hồng T trình bày: Ông và bà Nguyễn B tự nguyện kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyền số 01/2009 ngày 15/10/2009. Trong thời gian chung sống, ông bà có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Đôi bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ

chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Hồng P sinh ngày 05/5/2016 và Hồng Đ sinh ngày 03/10/2012. Ông yêu cầu giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Nguyễn B đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không quan tâm tới tình trạng hôn nhân của mình cho thấy các đương sự đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyển số 01/2009 ngày 15/10/2009 do Ủy ban nhân dân Phường S, quận B, Thành phố H cấp thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà ông Hồng T và bà Nguyễn B là hợp pháp. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế, nguyên đơn và bị đơn không cùng chung sống, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Hồng P sinh ngày 05/5/2016 và Hồng Đ sinh ngày 03/10/2012. Nguyên đơn yêu cầu giao con cho bị đơn nuôi dưỡng, bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn. Xét, theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, các trẻ P, Đ hiện đang do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ông Hồng T:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Hồng T được ly hôn với bà Nguyễn B.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Hồng P sinh ngày 05/5/2016 và Hồng Đ sinh ngày 03/10/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng ông Hồng T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020016 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường S Q. B,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh